

Số: 121 /QĐ-ĐĐ-VP

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2025

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Căn cứ Quyết định số 198/QĐ-BNNMT ngày 01/03/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017;

Căn cứ Thông báo số 5404/TB-BNNMT ngày 27/05/2026, Thông báo số 5861/BNNMT ngày 05/06/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2025;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Cục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2025 của Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Cục; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Cục; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc Cục;
- Lưu: VT, VPC (KT).



QUYẾT TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 121 /QĐ-ĐD-VP ngày 08 tháng 6 năm 2025 của Cục trưởng
Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Phí	947.512.500	947.512.500	0
	Phí thẩm định	947.512.500	947.512.500	0
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi quản lý hành chính	2.576.547.718	2.576.547.718	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.210.247.718	2.210.247.718	0
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	366.300.000	366.300.000	0
1	Phí	294.026.250	294.026.250	0
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước			
I	Nguồn Ngân sách nhà nước			
1	Chi quản lý hành chính	38.416.053.057	38.416.053.057	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	29.671.000.000	29.671.000.000	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.745.053.057	8.745.053.057	0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	90.908.900	90.908.900	0
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	90.908.900	90.908.900	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	550.908.640	550.908.640	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	550.908.640	550.908.640	0
	Bồi dưỡng, đào tạo	40.080.000	40.080.000	0
	Chương trình mục tiêu quốc gia	510.828.640	510.828.640	0
4	Chi hoạt động kinh tế	58.200.217.454	58.200.217.454	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	58.200.217.454	58.200.217.454	0



II	Nguồn Viện trợ			
1	Chi hoạt động kinh tế	80.441.242.569	80.441.242.569	0
	Viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả tại một số tỉnh miền Bắc bị thiệt hại nghiêm trọng bởi bão Yagi và lũ lụt	50.018.844.420	50.018.844.420	0
	Viện trợ quốc tế khẩn cấp khắc phục hậu quả do bão Yagi và lũ lụt tại tỉnh Lào Cai và Yên Bái	5.032.869.356	5.032.869.356	0
	Viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả do bão Yagi	25.389.528.793	25.389.528.793	0

